

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp lần đầu, cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận và xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

b) Tổ chức thu phí: Bộ phận Một cửa theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp xã; Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Điều 2. Đối tượng miễn nộp phí

a) Người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Khi người sử dụng đất đăng ký biến động đất đai khi thay đổi diện tích do sạt lở tự nhiên một phần thửa đất.

Điều 3. Mức thu phí

1. Mức thu phí khi thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp:

STT	Nội dung công việc	MỨC THU (Đồng/hồ sơ)	
		Đất hoặc tài sản	Đất và tài sản
I	Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư		
1	Cấp đổi giấy chứng nhận đồng loạt	33.000	40.000
2	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu đơn lẻ		

STT	Nội dung công việc	MỨC THU (Đồng/hồ sơ)	
		Đất hoặc tài sản	Đất và tài sản
a)	Đất tại các phường	162.000	200.000
b)	Đất tại các xã và đặc khu	130.000	160.000
3	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất <i>(bao gồm cấp đổi, cấp lại, cấp mới Giấy chứng nhận và xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp)</i>		
a)	Đất tại các phường	130.000	180.000
b)	Đất tại các xã và đặc khu	100.000	130.000
II	Đối với tổ chức		
1	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu đơn lẻ	780.000	1.015.000
2	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất <i>(bao gồm cấp đổi, cấp lại, cấp mới Giấy chứng nhận và xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp)</i>	767.000	988.000

2. Mức thu phí khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến là: 0 đồng.

Điều 4. kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh. Người nộp phí thực hiện nộp phí bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp phí theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí mở tại tổ chức tín dụng;

b) Nộp phí vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước;

c) Nộp phí bằng tiền mặt cho tổ chức thu phí.

2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, quyết toán số tiền phí thu được theo quy định của pháp luật. Định kỳ hằng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách tại Kho bạc Nhà nước.

3. Tỷ lệ trích để lại:

a) Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Trích để lại 100% cho đơn vị.

b) Bộ phận một cửa theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Nộp 100% tiền phí thu được vào Ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 8 năm 2025.
2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết, điều, khoản và nội dung sau đây hết hiệu lực thi hành:
 - a) Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
 - b) Khoản 1 Điều 1 và Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 22 tháng 8 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV
- Lưu: VT, Cthđnd(Ttka).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Tuy